

Bản án số: 13/2026/DS-ST
Ngày: 09/01/2026
V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lắm;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoa;

2. Ông Nguyễn Văn Ấn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Tuấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp: Không tham gia.

Trong ngày 09 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 497/2025/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 633/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1968.

Địa chỉ: ấp H, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp H, xã V1, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà H xin vắng mặt; bà B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H trình bày:

Qua quen biết, bà có cho bà Nguyễn Thị B vay nhiều lần tiền cụ thể như sau:

Ngày 26/12/2023, bà B vay số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 300.000 đồng/tháng (tương đương 6%/tháng), bà B có lập biên nhận nợ và hẹn 3 tháng trả, bà đã giao tiền đầy đủ cho bà B, nay đã quá hạn nhưng bà B chưa

trả cho bà.

Ngày 29/12/2023, bà B vay số tiền 5.000.000 đồng, thỏa thuận bà B phải trả cho bà là 5.300.000 đồng với phương thức mỗi ngày bà B trả góp cho bà H số tiền 200.000 đồng, góp trong 27 ngày (ngày cuối cùng góp số tiền 100.000 đồng), bà B có lập biên nhận nợ và bà H đã giao đủ tiền cho bà B, tuy nhiên đến nay bà B chưa góp được cho bà H ngày nào.

Ngoài các số tiền vay trên, bà B có tham gia các dây hụi do bà là chủ thảo cụ thể như sau:

Dây 1: Loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 05/02/2024 dương lịch, hụi mãn ngày 05/04/2025 dương lịch, hụi có 15 phần, bà B tham gia 01 phần. Bà B hốt kỳ đầu tiên vào ngày 05/2/2024 với số tiền là 20.700.000 đồng, sau khi hốt bà B có đóng lại được 03 kỳ hụi chết và còn nợ lại 11 kỳ với số tiền là 22.000.000 đồng.

Dây 2: Loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, mở ngày 25/3/2024 âm lịch, hụi mãn ngày 25/5/2025 âm lịch, hụi có 15 phần, bà B tham gia 01 phần. Bà B hốt kỳ đầu tiên vào ngày 25/3/2024 âm lịch với số tiền là 10.700.000 đồng, sau khi hốt bà B không đóng lại hụi chết, số kỳ hụi bà B phải đóng là 14 kỳ với số tiền là 14.000.000 đồng.

Tổng cộng bà B còn nợ hụi là 36.000.000 đồng.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B phải trả cho tôi số tiền nợ hụi là 36.000.000 đồng và số tiền vay là 10.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi suất chậm trả cụ thể như sau:

+ Khoản vay ngày 26/12/2023 là 5.000.000 đồng, mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 26/12/2023 đến khi Tòa án xét xử.

+ Khoản vay ngày 29/12/2023 là 5.000.000 đồng, mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 29/12/2023 đến khi Tòa án xét xử.

Yêu cầu thực hiện một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng bà B không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả lại số tiền nợ vay và số tiền nợ hụi, nên xác định đây là tranh chấp về “hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”, theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn bà Nguyễn Thị B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để dự phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng. Hội đồng xét xử căn

cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với khoản tiền hui: Để chứng minh cho việc việc của mình, bà H đã cung cấp tờ biên nhận hui viết tay trên giấy tập học sinh ngày 05/02/2024 và ngày 23/3/2024 có chữ ký, chữa viết tên “Nguyễn Thị B” tại phần “người nhận tiền hui”. Trong từng tờ biên nhận hui đều có thể hiện nội dung ngày hót hui, số tiền hui hót được và số phần hui chết phải đóng lại của bà B, mặt sau của 02 tờ biên nhận hui đều có lập danh sách các kỳ hui chết phải đóng; tại biên nhận của dây hui 2.000.000 đồng ngày 05/02/2024 có thể hiện bà B đã đóng được 03 kỳ hui chết từ ngày 05/3/2024 đến kỳ ngày 05/5/2024 và biên nhận của dây hui 1.000.000 đồng ngày 23/3/2024 thì không có thể hiện bà B đã đóng lại hui chết.

- Đối với khoản tiền vay: Để chứng minh cho việc việc của mình, bà H đã cung cấp tờ biên nhận viết tay trên giấy tập học sinh ngày 26/12/2023 đối với số tiền vay 5.000.000 đồng và tại mặt sau có viết thêm nội dung nhận nợ của khoản vay trả góp ngày 29/12/2023. Trong tờ biên nhận, bà B có vay của bà H số tiền 10.000.000 đồng vào các ngày 26/12/2023 và ngày 29/12/2023, mỗi lần vay số tiền 5.000.000 đồng; nhưng đến nay bà B không trả tiền nợ gốc cho bà H.

- Bà Nguyễn Thị B mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên căn cứ vào Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà B phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ của bà H cung cấp, xác định giao dịch góp hui và vay tiền giữa bà B, bà H là có xảy ra, và việc bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà B các khoản tiền vay, tiền hui là có căn cứ chấp nhận.

- Về tiền lãi của khoản tiền vay: Nguyên đơn yêu cầu tính lãi đối với các khoản vay ngày ngày 26/12/2023 và ngày 29/12/2023 với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày vay đến khi Tòa án xét xử vụ án (tính tròn tháng). Xét thấy yêu cầu này là phù hợp quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, nên được chấp nhận. Số tiền lãi cụ thể:

+ Đối với khoản vay ngày 26/12/2023, thời gian tính lãi từ ngày 26/12/2023 đến ngày xét xử 09/01/2026 tính tròn tháng là 24 tháng. Cụ thể tiền lãi: 5.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 24 tháng là 996.000 đồng.

+ Đối với khoản vay ngày 29/12/2023, thời gian tính lãi từ ngày 29/12/2023 đến ngày xét xử 09/01/2026 tính tròn tháng là 24 tháng. Cụ thể tiền lãi: 5.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 24 tháng là 996.000 đồng.

Tổng số tiền lãi của 02 khoản vay là 1.992.000 đồng.

- Như vậy, tổng số tiền nợ hui, nợ vay và tiền lãi nợ vay bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 36.000.000 đồng + 10.000.000 đồng + 1.992.000 đồng = 47.992.000 đồng.

[4] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: Nguyên đơn yêu cầu trả nợ khi án có hiệu lực pháp luật, bị đơn vắng mặt không có ý kiến. Do vậy, cần buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ khi án có hiệu lực pháp luật; phương thức và thời hạn thực hiện nghĩa vụ được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biên, phường.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng H.

1. Buộc bà Nguyễn Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Hồng H số tiền nợ hội, nợ vay và tiền lãi tổng cộng là 47.992.000 đồng (*bốn mươi bảy triệu chín trăm chín mươi hai nghìn đồng*). Thực hiện khi bản án có hiệu lực.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện thì phải chịu khoản tiền lãi suất phát sinh do chậm trả tiền, mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị B phải chịu 2.399.600 đồng (*hai triệu ba trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Hồng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại bà H 1.190.400 đồng (*một triệu một trăm chín mươi nghìn bốn trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005313 ngày 20/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND KV2 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Văn Lắm